TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/DS-ST
Ngày: 16/11/2018
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Thúc Nhơn**
Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N**; Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 09 đường B, phường 12, quận 4, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lô Bằng G - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 09 đường B, phường 12, quận 4, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hiền T - Chức vụ: Trưởng Phòng thu hồi nợ pháp lý - Trung tâm thu hồi nợ của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N (*Văn bản ủy quyền số 50/UQ-VH.18 ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Hội đồng thành viên*). Ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho ông Lưu Đức T, sinh năm 1994 và ông Trương Ngọc A; Cùng địa chỉ: Số 353 đường P, quận H, thành phố Đ (*Văn bản ủy quyền số 1244/UQTA-VH.18 ngày 13 tháng 6 năm 2018*). Tại phiên tòa, ông Lưu Đức T vắng mặt, ông Trương Ngọc A có mặt.

- Bị đơn: Bà **Trương Thị L**, sinh năm 1974 - Địa chỉ: Tổ 52 (tổ 41 cũ), Nam Ô 3, phường N, quận L, thành phố Đ - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N trình bày:

Ngày 12/12/2015 giữa Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N và bà Trương Thị L có ký kết Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151211-142004-0008. Theo đó Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N cho bà Trương Thị L vay 35.715.812 đồng (*ba mươi lăm triệu bảy trăm mười lăm ngàn tám trăm mười hai đồng*), lãi suất vay 5%/tháng, thời hạn vay 29 tháng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân, phương thức cho vay trả góp. Theo thỏa thuận tại hợp đồng bà Trương Thị L phải có nghĩa vụ trả 68.403.000 đồng (bao gồm cả gốc và lãi) trả chậm trong 29 tháng (từ 14.01.2016-14.5.2018), 28 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 2.359.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.351.000 đồng, bắt đầu từ ngày 14.01.2016. Bà Trương Thị L đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng. Thực hiện theo hợp đồng bà Trương Thị L đã thanh toán 13 lần với tổng số tiền 31.122.496 đồng (trong đó có 10.153.241 đồng tiền gốc và 20.969.255 đồng tiền lãi). Tính đến thời điểm hiện nay bà Trương Thị L còn nợ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N tổng số tiền là 37.280.504 đồng (*Ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi ngàn năm trăm lẻ tư đồng)*; trong đó gốc tới hạn là 25.562.571 đồng, và lãi tới hạn là 11.717.933 đồng (lãi được tính theo mức lãi suất 5%/tháng, tính đến ngày 14.05.2018, có bảng tính lãi đính kèm). Hết thời hạn hợp đồng, Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N đã nhiều lần yêu cầu bà Trương Thị L có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ nhưng bà Lan không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N khởi kiện, yêu cầu tòa án buộc bà Trương Thị L thanh toán số tiền là 37.280.504 đồng (*Ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi ngàn năm trăm lẻ tư đồng)*; trong đó gốc tới hạn là 25.562.571 đồng, và lãi tới hạn là 11.717.933 đồng. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N không yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 14.05.2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Trương Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng nguyên đơn Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N với bị đơn bà Trương Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Bị đơn bà Trương Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Trương Thị L vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Trương Thị L.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N đối với bà Trương Thị L thì thấy:

Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N cho rằng có cho bà Trương Thị L vay 35.715.812 đồng (*ba mươi lăm triệu bảy trăm mười lăm ngàn tám trăm mười hai đồng*), lãi suất vay 5%/tháng, thời hạn vay 29 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, phương thức cho vay trả góp. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N cung cấp chứng cứ chứng minh là 01 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151211-142004-0008 ngày 12.12.2015 được ký kết giữa Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N và bà Trương Thị L. Bà Trương Thị L đã nhận đủ số tiền vay là 35.715.812 đồng và có trách nhiệm thanh toán 68.403.000 đồng (bao gồm cả gốc và lãi) trong 29 tháng. Tuy nhiên, đã quá thời hạn theo hợp đồng nhưng bà Trương Thị L mới chỉ thanh toán 13 lần với tổng số tiền 31.122.496 đồng (trong đó có 10.153.241 đồng tiền gốc và 20.969.255 đồng tiền lãi) và còn nợ tổng số tiền là 37.280.504 đồng; trong đó nợ gốc đến hạn là 25.562.571 đồng và nợ lãi đến hạn là 11.717.933 đồng. Do đó, Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị L phải thanh toán dứt điểm số tiền 37.280.504 đồng như đã nêu trên.

Bị đơn, bà Trương Thị L mặc dù đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc bà Trương Thị L nợ Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N tổng cộng 37.280.504 đồng (trong đó gốc đến hạn là 25.562.571 đồng và nợ lãi đến hạn là 11.717.933 đồng).

Xét thấy giao dịch dân sự giữa Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N và bà Trương Thị L là không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Bà

Trương Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên việc Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị L thanh toán số tiền 37.280.504 đồng (trong đó gốc đến hạn là 25.562.571 đồng và nợ lãi đến hạn là 11.717.933 đồng) là có cơ sở, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 14.5.2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.280.504 đồng x 5% = 1.864.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273; Điều 688 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N đối với bà Trương Thị L.

Xử:

1. Buộc bà Trương Thị L phải trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N số tiền 37.280.504 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn năm trăm linh bốn đồng), trong đó tiền gốc là 25.562.571 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi mốt đồng) và lãi là 11.717.933 đồng (mười một triệu bảy trăm mười bảy nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất phát sinh hàng tháng theo lãi suất quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151211-142004-0008 ngày 12.12.2015 cho đến khi bà Trương Thị L trả hết khoản nợ.

2. Về án phí: Bà Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.864.000 đồng (một triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Hoàn trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 932.012 đồng (chín trăm ba mươi hai nghìn không trăm mười hai đồng) theo biên lai thu tiền số 0003006 ngày 26.6.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3 Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Hương